

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI HIỆN NAY

Nguyễn Thị Huyền Trang¹

Tóm tắt. Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát sinh viên và cán bộ quản lý, giảng viên các trường đại học khối ngành Khoa học xã hội và nhân văn trên địa bàn thành phố Hà Nội. Bằng phương pháp thống kê mô tả, tác giả đã phân tích những số liệu thực tế, những câu trả lời trên phiếu hỏi và qua phỏng vấn sâu những đối tượng khảo sát trên cơ sở những tiêu chí đã được xác định. Kết quả đã thấy được trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, các mặt mạnh, yếu, nguyên nhân, xác định đúng các vấn đề cần giải quyết. Nội dung nghiên cứu có thể làm cơ sở định hướng các giải pháp để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

Từ khóa: Hoạt động, nghiên cứu khoa học, sinh viên.

1. Đặt vấn đề

Đối với sinh viên, “Nghiên cứu khoa học là một hình thức bước đầu vận dụng một cách tổng hợp những tri thức về nghề nghiệp tương lai của mình để tiến hành hoạt động có tính chất nghiên cứu, bước đầu góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn nghề nghiệp đặt ra. Trên cơ sở đó, có thể đào sâu, mở rộng và hoàn thiện vốn hiểu biết của bản thân” [4;19].

Nghiên cứu khoa học là hoạt động trí tuệ giúp sinh viên vận dụng phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong học tập và trong thực tiễn, trong đó, sinh viên bước đầu vận dụng một cách tổng hợp những tri thức đã học để tiến hành hoạt động nhận thức có tính chất nghiên cứu, góp phần giải quyết những vấn đề khoa học do thực tiễn cuộc sống và nghề nghiệp đặt ra và có thể đào sâu, mở rộng và hoàn thiện vốn hiểu biết của mình. Nghiên cứu khoa học sẽ rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, khả năng phê phán, bác bỏ hay chứng minh một cách khoa học những quan điểm, rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp kiến thức, tư duy logic, xây dựng tinh thần hợp tác, giúp đỡ nhau trong nghiên cứu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu khoa học sẽ tạo ra những bước đi ban đầu để sinh viên tiếp cận với những vấn đề mà khoa học mà cuộc sống đang đặt ra, gắn lý luận với thực tiễn, nắm vững quy trình nghiên cứu logic và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật để thu thập, xử lý thông tin và trình bày kết quả nghiên cứu mới đảm bảo cho nghiên cứu khoa học thành công.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành khảo sát thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên khối ngành Khoa học xã hội và Nhân văn trên địa bàn thành phố Hà Nội, tác giả tiến hành khảo sát Khảo sát bằng phiếu ý kiến đánh giá của 50 cán bộ quản lý; 150 giảng viên và 500 sinh viên (năm 2,3,4) nhằm tìm hiểu thực trạng việc tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên, việc hướng dẫn của giảng viên và công tác QL việc nghiên cứu khoa học của sinh viên của các trường trong phạm vi nghiên cứu: Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Trường Đại học Văn Hóa; Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Trường Đại học Lao động xã hội.

Ngày nhận bài: 15/09/2020. Ngày nhận đăng: 10/11/2020.

¹Học viện Quản lý giáo dục;

e-mail: huyentran.naem@gmail.com.

Phương pháp khảo sát được sử dụng là phương pháp quan sát và nghiên cứu sản phẩm hoạt động, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu.

Kết quả khảo sát được trình bày trong bài báo chủ yếu được lấy dữ liệu từ kết quả nghiên cứu bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng nhận thức về ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên

Bảng 1. Nhận thức về ý nghĩa hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên

| Nội dung | Sinh viên | | | | | Cán bộ quản lý, giảng viên | | | | | | |
|----------------------------------------------------------|-------------|------|------|-----|------|----------------------------|------|------|------|-----|------|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | ĐTB | TB | 1 | 2 | 3 | 4 | ĐTB | TB |
| Giúp sinh viên củng cố, nắm vững, mở rộng tri thức | 42,5 | 46,7 | 10,8 | 0 | 3,31 | 1 | 46,7 | 42,7 | 10,6 | 0 | 3,32 | 1 |
| Rèn luyện sinh viên phương pháp học tập ở đại học | 30,7 | 51,5 | 17,8 | 0 | 3,12 | 2 | 35,5 | 47,7 | 16,8 | 0 | 3,22 | 2 |
| Rèn luyện khả năng phát triển, khả năng độc lập sáng tạo | 24,2 | 54,9 | 13,6 | 7,3 | 2,96 | 6 | 26,2 | 53,9 | 12,6 | 7,3 | 2,86 | 6 |
| Giúp liên hệ vận dụng tri thức vào thực tiễn | 26,1 | 53,4 | 17,7 | 2,8 | 3,02 | 4 | 30,1 | 47,4 | 19,7 | 2,8 | 3,06 | 4 |
| Nâng cao trình độ văn hoá | 25,7 | 47,3 | 27,0 | 0 | 3,12 | 7 | 25,5 | 47,5 | 27,0 | 0 | 2,72 | 7 |
| Rèn luyện năng lực chuyên môn | 34,4 | 45,2 | 16,9 | 3,5 | 3,10 | 3 | 32,4 | 44,2 | 15,9 | 4,5 | 3,10 | 3 |
| Hình thành và phát triển nhân cách | 28,0 | 47,9 | 22,1 | 2,0 | 3,01 | 5 | 27,0 | 47,9 | 23,1 | 2,0 | 3,01 | 5 |
| TBC | 3,09 | | | | | 3,04 | | | | | | |

Trong đó: 1- Rất ý nghĩa, 2- Ý nghĩa, 3- Bình thường, 4- Không ý nghĩa, ĐTB- Điểm trung bình, TB- Thứ bậc

Qua kết quả khảo sát bảng 1 ta thấy sinh viên có nhận thức đúng đắn ý nghĩa hoạt động nghiên cứu khoa học đối với bản thân. Về phía cán bộ quản lý, giảng viên cũng cho kết quả tương đồng về ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên. Điểm trung bình lần lượt là 3,09 và 3,04 điểm thể hiện có sự tương quan rất chặt chẽ giữa nhận thức của sinh viên với cán bộ quản lý, giảng viên về tầm quan trọng, ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, củng cố kiến thức, kỹ năng cho người học. Nghiên cứu khoa học giúp cho sinh viên phương pháp học tập chủ động, phát huy được khả năng độc lập sáng tạo, tiếp thu được các tri thức, các kỹ năng khác nhau.

3.2. Thực trạng phân cấp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên là một phần công tác của nhà trường. QL việc nghiên cứu khoa học của sinh viên trực thuộc công tác QL nghiên cứu khoa học của đơn vị. Tham gia công tác QL nghiên cứu khoa học của sinh viên trong trường bao gồm: về mặt tổ chức tư vấn là hội đồng KH, về mặt QL hành chính là phòng Khoa học – Công nghệ, khoa, tổ chuyên môn.

Hoạt động của bộ máy QL nghiên cứu khoa học của sinh viên theo mô hình trực tuyến-chức năng, trong đó chủ thể QL cao nhất là Hiệu trưởng. Về mặt tổ chức QL hành chính, Hiệu trưởng giao trách nhiệm trực tiếp QL nghiên cứu khoa học của sinh viên cho Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác ĐT với sự tham mưu của bộ phận chức năng phòng KH-CN (cụ thể là bộ phận nghiên cứu khoa học). Các khoa chịu sự QL trực tiếp của bộ phận chức năng đồng thời thực hiện chỉ đạo của Hiệu trưởng. Về mặt tổ chức tư vấn, Hiệu trưởng với tư cách chủ tịch hội đồng khoa học trường tổ chức triển khai công tác chủ yếu về lĩnh vực chuyên môn và chỉ đạo hoạt động của khoa theo kế hoạch nghiên cứu khoa học của trường đề ra.

3.2.1. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cấp Trường

Qua bảng kết quả khảo sát dưới đây Bảng 2 của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ở cấp Nhà trường cho ta thấy:

Bảng 2. Đánh giá quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cấp Trường

| Nội dung | Sinh viên | | | | | | Cán bộ quản lý, giảng viên | | | | | |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|------|------|-------------|----|----------------------------|------|------|------|-------------|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | ĐTB | TB | 1 | 2 | 3 | 4 | ĐTB | TB |
| Quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ở cấp khoa, bộ môn. | 27,7 | 52,5 | 18,0 | 1,8 | 3,06 | 1 | 34,6 | 51,5 | 11,7 | 2,2 | 3,18 | 1 |
| Có kế hoạch tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học | 10,6 | 55,9 | 29,2 | 4,3 | 2,72 | 2 | 26,9 | 53,2 | 17,8 | 2,1 | 3,04 | 2 |
| Phối hợp với các bộ phận chức năng (Phòng đào tạo, Phòng QLKH...) trong việc tạo điều kiện cho sinh viên nghiên cứu khoa học | 6,5 | 48,1 | 33,8 | 11,6 | 2,49 | 5 | 15,9 | 41,7 | 31,3 | 11,1 | 2,62 | 5 |
| Có kinh phí, tạo điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị cho sinh viên nghiên cứu khoa học | 7,3 | 40,7 | 38,4 | 13,6 | 2,41 | 6 | 10,4 | 36,8 | 38,2 | 14,6 | 2,43 | |
| Tổ chức các hội nghị nghiên cứu khoa học của sinh viên cấp Trường | 12,6 | 41,3 | 39,3 | 6,8 | 2,59 | 4 | 12,2 | 58,5 | 19,3 | 10,0 | 2,72 | 4 |
| Có chế độ khen thưởng sinh viên có thành tích nghiên cứu khoa học | 14,8 | 49,1 | 25,0 | 11,1 | 2,67 | 3 | 22,5 | 49,3 | 25,5 | 2,7 | 2,91 | 3 |
| TBC | | | | | 2,65 | | | | | | 2,81 | |

Trong đó: 1- Tốt, 2- Khá, 3- Trung bình, 4- Yếu, ĐTB- Điểm trung bình, TB- Thứ bậc

Có sự đồng nhất về kết quả đánh giá giữa sinh viên với cán bộ quản lý và giảng viên, trong đó:

Công việc được cả sinh viên và cán bộ quản lý, giảng viên đánh giá quan trọng nhất là Nhà trường quản lý có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ở cấp khoa, có điểm trung bình lần lượt là 3,06 và 3,18 điểm. Đầu năm học Nhà trường yêu cầu các khoa xây dựng kế hoạch đăng ký đề tài, chuyên đề của sinh viên và phải có người hướng dẫn khoa học, Nhà trường thường xuyên cử cơ quan kiểm tra tiến độ nghiên cứu. Vì thế hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên giữ được nề nếp, từng bước đầu tư chiều sâu với các loại hình tham gia, phù hợp với trình độ và đặc điểm của sinh viên.

3.2.2. Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cấp Khoa

Bảng 3. Đánh giá quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cấp Khoa

| Nội dung | Sinh viên | | | | | | Cán bộ quản lý, giảng viên | | | | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------|------|------|-------------|----|----------------------------|------|------|------|-------------|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | ĐTB | TB | 1 | 2 | 3 | 4 | ĐTB | TB |
| Quản lý việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên của sinh viên ở | 34,6 | 51,5 | 11,7 | 2,2 | 3,18 | 1 | 32,5 | 46,7 | 18,3 | 2,5 | 3,09 | 1 |
| Tạo điều kiện về thời gian cơ sở vật chất, trang thiết bị cho cán bộ, giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học | 25,5 | 47,9 | 23,3 | 3,3 | 2,95 | 2 | 17,1 | 59,4 | 20,4 | 3,1 | 2,90 | 2 |
| Tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu của sinh viên | 12,2 | 58,5 | 19,3 | 10,0 | 2,72 | 4 | 23,8 | 45,6 | 22,7 | 7,9 | 2,85 | 3 |
| Động viên, khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học | 22,5 | 49,3 | 25,5 | 2,7 | 2,91 | 3 | 15,9 | 41,7 | 31,3 | 11,1 | 2,62 | 5 |
| Tổ chức Hội nghị nghiên cứu khoa học hàng năm của Khoa | 15,9 | 41,7 | 31,3 | 11,1 | 2,62 | 5 | 19,2 | 47,5 | 30,0 | 3,3 | 2,82 | 4 |
| TBC | | | | | 2,93 | | | | | | 2,85 | |

Trong đó: 1- Tốt, 2- Khá, 3- Trung bình, 4- Yếu, ĐTB- Điểm trung bình, TB- Thứ bậc

Qua bảng kết quả khảo sát Bảng 3 của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên ở cấp Khoa tại các trường cho ta thấy:

Các nội dung như: Tổ chức đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên, động viên khuyến khích sinh viên nghiên cứu khoa học, tổ chức hội nghị nghiên cứu khoa học hàng năm của Khoa tuy kết quả thứ bậc giữa đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên có khác nhau song mức điểm trung bình giao động trong khoảng từ 2,44 điểm đến 2,48 điểm. Qua đó có thể thấy các nội dung quản lý hoạt động của cấp khoa, bộ môn cũng được đánh giá cao.

Kết quả chung nhất của cán bộ quản lý, giảng viên là 2,93 điểm và sinh viên là 2,85 điểm cho ta thấy các Khoa, bộ môn tại các trường đã thực hiện tương đối tốt toàn bộ các nội dung theo phiếu khảo sát. Tuy nhiên giữa các ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên còn có sự khác nhau ở mỗi nội dung.

3.3. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

Kiểm tra, đánh giá là hoạt động thường xuyên, diễn ra xuyên suốt quá trình quản lý của các đơn vị tham gia QL công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên nhằm xác định mức độ triển khai thực hiện công việc của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên, thu thập thông tin phản hồi và báo cáo tình hình với lãnh đạo nhà trường để có những sự điều chỉnh, bổ sung hợp lý, kịp thời. Bên cạnh đó, nhằm động viên, khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, công tác đánh giá công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên cần đảm bảo độ chính xác cao, thực hiện đúng hình thức và quy trình đánh giá với các tiêu chí phù hợp mức độ công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Qua quá trình nghiên cứu thực tế tại các trường về các tiêu chí cụ thể được sử dụng để đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên, kết quả khảo sát cho thấy mức độ phù hợp của các tiêu chí qua kết quả đánh giá của cả sinh viên và cán bộ quản lý, giảng viên đều đạt mức cao trên 80% là rất phù hợp và không có tiêu chí nào đánh giá không phù hợp. Vì vậy, các tiêu chí cơ bản này đều được các trường sử dụng để đánh giá kết quả cuối cùng các sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên và kết quả đánh giá ở mức đúng nhất với năng lực và kỹ năng nghiên cứu khoa học của sinh viên.

Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế tại các trường, công tác kiểm tra trong quá trình sinh viên thực hiện nghiên cứu có những thời điểm chưa được sâu sát, chưa thường xuyên. Theo đánh giá hàng năm, việc kiểm tra đôn đốc vẫn còn hạn chế cần khắc phục. Biểu hiện như: Một số giảng viên hướng dẫn thiếu sự quan tâm, thả lỏng sinh viên nghiên cứu khoa học, chưa chú trọng kiểm tra giám sát, đọc, góp ý cho sinh viên hoàn thiện sản phẩm dẫn đến sinh viên thiếu định hướng, tiến hành nghiên cứu khoa học mang tính hình thức thậm chí cấu thả, chất lượng kém, không kịp tiến độ...

Hàng năm, các trường đã có công văn triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên và đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học, QL nghiên cứu khoa học; Trong Báo cáo tổng kết và phương hướng hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên cũng đề cập đến hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên... Tuy nhiên, các văn bản cần phải được chi tiết hơn, đa dạng hơn trong các hình thức, tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên xem đó là một nội dung quan trọng song hành với kết quả học tập, rèn luyện nhằm kích lệ tinh thần nghiên cứu khoa học đồng thời nâng cao chất lượng các đề tài nghiên cứu của sinh viên.

3.4. Thực trạng quản lý các nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

3.4.1. Nguồn nhân lực

Về cán bộ và giảng viên

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên là yếu tố quyết định chất lượng giáo dục đại học, là nội lực trong các trường đại học. Vì thế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các trường đại học hiện nay là nhiệm vụ cấp bách và nằm ở cả bên trong và bên ngoài. Bên trong là trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, nghề nghiệp; trình độ lý luận chính trị, ngoại ngữ tin học và khả năng ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào trong giảng dạy tiềm ẩn bên trong bản thân mỗi cá nhân, do quá trình đào tạo và tự đào tạo mà nên. Bên ngoài là hiệu quả công tác quản lý và hiệu quả của mỗi giờ giảng. Hiệu quả này không chỉ phụ

thuộc ở các yếu tố bên trong, mà còn bộc lộ ở phương pháp giảng dạy, ở nghệ thuật giáo dục và ở tinh thần trách nhiệm của giảng viên. Đối với giáo dục và đào tạo ở góc độ thứ hai là quan trọng.

Kết quả khảo sát cho thấy đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ và Thạc sĩ tại các trường đạt tỷ lệ khá cao đã góp phần hết sức quan trọng vào việc thực hiện thành công các nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo và các hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và của sinh viên nói riêng.

Về sinh viên

Sinh viên một bộ phận tinh túy, quan trọng trong thanh niên Việt Nam, là lực lượng kế tục, phát huy nguồn trí tuệ nước nhà, là nguồn lực chủ yếu trong thời đại kinh tế tri thức, khoa học công nghệ, đóng vai trò then chốt trong phát triển đất nước, là lực lượng to lớn trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Mỗi sinh viên phải chủ động học tập, rèn luyện và trang bị cho bản thân những kỹ năng, kiến thức cơ bản để trở thành những gương sáng, giỏi về chuyên môn và hoạt động xã hội.

Nhằm đánh giá hiệu quả chất lượng đào tạo của Nhà trường, đồng thời có cơ sở khoa học cho việc điều chỉnh nhằm ngày càng nâng cao hiệu quả đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, các trường đã tiến hành khảo sát thực trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả thu được của các đợt khảo sát đối với sinh viên đã góp phần quan trọng giúp Ban Giám hiệu các trường, lãnh đạo các đơn vị có thông tin cụ thể, chính xác để có những bổ sung, điều chỉnh cần thiết trong công tác đào tạo hướng đến mục tiêu chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội. Các kết quả khảo sát cho thấy, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp sau khi ra trường trong khoảng 1 năm tìm được việc làm đạt trên 75%.

3.4.2. Nguồn vật lực

Qua khảo sát thực tế tại các trường cho thấy, hầu hết các trường đều nằm ở các vị trí thuận lợi cho việc di chuyển và học tập của sinh viên.

Cơ sở vật chất trong nhà trường - yếu tố quan trọng bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học - thường xuyên được nâng cấp. Các trường đều có hệ thống phòng học, phòng học đa năng trang bị khá đầy đủ máy móc; hệ thống phòng thí nghiệm ở một số khoa thực nghiệm được đầu tư máy móc hiện đại đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên; thư viện, phòng thực hành, phòng chức năng, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, v.v... phục vụ thiết thực cho hoạt động dạy và học. Các trường cũng có Kí túc xá, Trạm y tế phục vụ cho nhu cầu nhà ở, sinh hoạt và chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.

Hàng năm, ngoài nguồn học liệu được bổ sung vào Trung tâm Thông tin - Thư viện, nguồn học liệu do các trường tổ chức biên soạn, tổ chức dịch và xuất bản đã đóng vai trò quan trọng vào việc tổ chức đào tạo các ngành học, nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tuy nhiên, các đầu sách, tài liệu tham khảo, giáo trình, bài giảng... còn chưa thường xuyên được cập nhật phù hợp với nhu cầu của sinh viên.

Các trường đã có sự quan tâm đến xây dựng kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên, cố gắng huy động cân đối các nguồn ngân sách và ngoài ngân sách hỗ trợ bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường.

Các phòng học cho sinh viên đều cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy và học; được bố trí với diện tích phù hợp, có quạt; máy chiếu có chất lượng đáp ứng yêu cầu.

Tuy nhiên, công tác quản lý các khâu của quy trình quản lý cơ sở vật chất phục vụ đào tạo chưa thật chặt chẽ và khoa học, thiếu thường xuyên kiểm tra, dẫn đến chưa phát huy hiệu quả, tiết kiệm trong quá trình sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất.

3.4.3. Nguồn tài lực

Hiện nay tại các trường, nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên chủ yếu do Nhà trường cấp nên rất hạn chế, đa số sinh viên tự túc về kinh phí trong quá trình nghiên cứu khoa học gây ra hiệu ứng tâm lý không muốn tham gia nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Nguồn huy động từ kinh phí chi thường xuyên và các hoạt động có thu của trường không đáng kể. Chưa tạo được các nguồn thu ngoài ngân sách cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường. Khả năng huy động nguồn tài chính từ xã hội dưới hình thức hỗ trợ, hợp tác, liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học chưa cao.

Một số đơn vị quản lý sinh viên đã chủ động trích từ nguồn quỹ riêng của đơn vị hỗ trợ cho nghiên cứu

khoa học của sinh viên hoặc huy động được một số tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ hoạt động đào tạo chung, hỗ trợ học bổng cho sinh viên học giỏi, nghiên cứu khoa học giỏi... cũng gia tăng đáng kể nguồn kinh phí vào việc quản lý nghiên cứu khoa học của sinh viên. Tuy nhiên, sự gia tăng không thường xuyên, không cố định và không nhiều nên nhìn chung khó khăn về nguồn tài lực để phục vụ quản lý nghiên cứu khoa học của sinh viên.

4. Kết luận

Đi sâu đánh giá tình hình thực hiện và mức độ đáp ứng mục tiêu yêu cầu đề ra của quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục cho thấy còn nhiều hạn chế, bất cập so với thực tiễn cũng như trước mục tiêu, yêu cầu đặt ra; Các trường còn xem nhẹ hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, thực hiện hình thức theo kiểu “làm cho xong” hoặc chỉ thực hiện trong khuôn viên nhà trường vì cho rằng thiếu cơ chế và khó khăn. Trong quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên khâu xây dựng kế hoạch, chỉ đạo đa dạng hoá hình thức tổ chức nghiên cứu khoa học, kết hợp các lực lượng giáo dục trong nghiên cứu khoa học, quản lý bồi dưỡng năng lực thực hiện nghiên cứu khoa học cho giảng viên, quản lý kiểm tra đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học cho sinh viên là các vấn đề cần quan tâm cải thiện. Đây là căn cứ thực tiễn để tác giả lựa chọn vận dụng, đề xuất giải pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn ở chương tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), thông tư 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 06 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục Đại học.
- [2] Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014), Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng chính phủ Quyết định ban hành Điều lệ trường Đại học
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11 của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hà Nội
- [4] Phạm Trung Thanh (1998), *Phương pháp học tập - nghiên cứu của sinh viên cao đẳng, đại học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội

ABSTRACT

The situation of managing scientific research activities of the students at universities in the context of current innovation

The study surveyed with students, administrators, and lecturers at universities of social sciences and humanities in Hanoi city. By the method of descriptive statistics, the author has analyzed the actual data, the answers on the survey questionnaires and through in-depth interviews with the surveyed objects based on the defined criteria. The results have showed the current situation of managing scientific research activities of the students, strengths and weaknesses, causes and correct identification some problems that need to be solved. The research content can be a basis for orienting solutions to enhance the quality students' scientific research in the context of educational innovation.

Keywords: *Activities, scientific research, students.*